

Số: 137 /BC-TrMN

Hải Châu, ngày 08 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIÁO DỤC MẦM NON
ĐẦU NĂM HỌC 2025 – 2026

1. Các văn bản trọng tâm đã triển khai:

- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Công văn Số: 5542 /BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 V/v thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

- Nghị Quyết 71/NQ-TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính Trị; về đột phá, phát triển Giáo dục Đào tạo; Nghị quyết Quốc hội khóa 1, số 218/2025/QH15, ngày 26/6/2025 về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3-5 tuổi;

- Quyết định số 2620/QĐ UBND ngày 20/6/2025 của UBND huyện Diễn Châu về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2025-2026;

- Công văn số 2566/SGDĐT- KHTC ngày 05/9/2025 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Công văn số 2675/SGDĐT - GDMN, ngày 15/9/2025 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc thực hiện quy chế chuyên môn giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

- Công văn số 2379/SGD&ĐT-GDNN-GDTH của Sở GD&ĐT Nghệ An, ngày 21/8/2025 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và Chương trình tăng cường trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Công văn 2846/SGD&ĐT-VP-TT ngày 26/9/2025 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn một số lĩnh vực liên quan nhiệm vụ năm học;

- Công văn 2764/SGD&ĐT-GDMN ngày 22/9/2025 về tăng cường quản lý công tác bán trú các cơ sở giáo dục MN, TH;

- Công văn số 6104/BGDĐT-GDMN Về việc triển khai công tác giáo dục ATGT và Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” cấp học mầm non năm học 2025-2026;

- Công văn số 373/UBND-VHXXH ngày 22/9/2025 của UBND xã Hải Châu về việc quản lý thu, chi năm học 2025-2026 tại trường MN,TH, THCS công lập thuộc UBND xã Hải Châu;

- Kế hoạch số 123/KH-TMN ngày 26/9/2025 của Trường mầm non Diễn Hùng Kế hoạch giáo dục năm học 2025- 2026.

2. Quy mô trường, lớp, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất

2.1. Qui mô nhóm lớp: 10 nhóm, lớp (02 nhóm trẻ và 08 lớp mẫu giáo).

- Nhóm trẻ: 02 nhóm (25-36 tháng: 54 trẻ)

- Mẫu giáo: 08 lớp: 183 cháu

+ Lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi: 02 lớp: 49 cháu;

+ Lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi: 03 lớp: 69 cháu;

+ Lớp Mẫu giáo 5-6 tuổi: 03 lớp: 65 cháu.

Đã thực hiện đúng kế hoạch phát triển giáo dục được giáo: 10 nhóm lớp

Tổng số trẻ 237/240 so với kế hoạch giảm 3 cháu.

2.2. Cơ sở vật chất:

Trường có đủ các phòng học và một số phòng chức năng cho trẻ hoạt động:

- Có 10 phòng học hiện tại sử dụng 10 phòng;

- Có phòng 2 GD Nghệ thuật diện tích 100 m², có gương, gióng múa, tủ đựng đồ dùng âm nhạc, ty vi, Đàn, có thảm trải sàn.

- Có 1 phòng phát triển thể chất diện tích 55 m² có thiết bị cho trẻ chơi vận động tĩnh

- Có 1 phòng cho trẻ làm quen tiếng anh diện tích 55 m²

- Có 2 nhà bếp 01 chiều diện tích 100 m². có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho công tác bán trú. 2 Tủ lạnh, 2 bếp ga công nghiệp, 2 tủ sấy bát, 2 tủ cơm ga, 1 máy xay thịt, 1 nồi nấu cháo bằng ga 1500L....;

- 01 phòng Hiệu trưởng ; 02 phòng phó hiệu trưởng; 01 phòng y tế; 01 phòng hành chính, 2 phòng bảo vệ, 01 phòng nhân viên , thiết bị tương đối đầy đủ:

- 02 Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên bảo đảm diện tích;

- Nhà trường có 2 hệ thống mái che làm khu vui chơi phát triển vận động có một số đồ chơi vận động như; bộ giữ thăng bằng, bộ đồ lắc....1 một số thiết bị chơi vận động tĩnh.

- Có đầy đủ bộ đồ dùng trang thiết bị/10 nhóm, lớp phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục theo chương trình GDMN và đảm bảo an toàn.

- Sân chơi có đồ chơi ngoài trời: 2 bộ liên hoàn cầu trượt, 02 xích đu ; 1 mâm quay 7 con giống; 1 mâm quay 9 con giống 02 bể câu cá; 01 thang leo chữa A; 01 bộ đồ chơi cầu thăng bằng đôi; Các thiết bị bảo đảm an toàn.

2.3. Đội ngũ: Có đủ CBQLGVNV theo định biên của Sở giao, được phân công đúng chức năng nhiệm vụ.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và người lao động 32:

+ Cán bộ quản lý: 03;

+ Giáo viên: 20 Trong đó có 1 giáo viên đi biệt phái tại mầm non Diễn Trường

+ Nhân viên: 02 (Kế toán – NV y tế);

+ Nấu ăn: 05 và Bảo vệ: 02 tổng 7 (hợp đồng trường)

3. Kinh phí đầu tư xây dựng CSVC, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho năm học mới 2025-2026:

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nâng cấp tu sửa hệ thống nhà vệ sinh các nhóm lớp	Nhà	11	4.000.000	44.000.000	VĐTT
2	Nâng cấp hệ thống dây điện 3 pha (Cadivi CV 3x4 – 6 chấm lõi đồng)	mét	250	41.000	10.250.000	VĐTT
3	Mua thiết bị nhà vận động hai điểm trường	Cái	3	10.000.000	30.000.000	VĐTT
	Tổng cộng				84.250.000	

2. Tăng cường cơ sở vật chất từ các nguồn khác

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Từ nguồn
1	Mua thêm máy tính cho các phòng ban	bộ	2	10.000.000	20.000.000	Ngân sách
2	Tu sửa hệ thống mạng internet – lắp bổ sung Camera	lớp	11	1.000.000	11.000.000	Ngân sách
3	Tu sửa, bảo dưỡng máy in máy tính cho các lớp, các phòng ban, tu sửa khóa của các lớp	Cái	20	500.000	10.000.000	Ngân sách
4	Làm biểu bảng văn phòng, bảng tuyên truyền	cái	7	5.000.000	35.000.000	Ngân sách
5	Tạo môi trường ngoài lớp học	Bộ	11	1.000.000	11.000.000	Ngân sách
6	Tu sửa nâng cấp đồ chơi ngoài trời	Bộ	5	2.000.000	10.000.000	Ngân sách
7	Mua bổ sung thiết bị dạy học tại các lớp	lớp	10	5.000.000	50.000.000	Ngân sách
8	Mua bàn ghế văn phòng	bộ	6	4.000.000	24.000.000	Ngân sách
9	Đồ công nghệ, hiên bên đường điểm trường 2	mét	74,6	100.000	7.460.000	Ngân sách
10	Mua bổ sung xoong nồi bán trú	cái	20	700.000	14.000.000	CPBT
11	Mua xô, chậu, lau sàn nhà	cái	11	400000	4.400.000	CPBT
12	Bảo trì máy xay thịt	cái	1	2000000	2.000.000	CPBT
13	Mua giao thớt, thay thế van vòi bếp ga	cái	7	500000	3.500.000	CPBT
	Tổng cộng				202.360.000	

(Mục I và II. VĐTT 84.250.000 Và 202.360.000 = 286.610.000)

(Hai trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm mười ngàn đồng)

4. Khó khăn, vướng mắc:

- Mầm non Diễn Hùng đang thực hiện 2 điểm trường; điểm 1 có 4 phòng học được xây dựng hơn 20 năm cơ sở vật chất không bảo đảm, Phòng học cũ do xây dựng lâu năm nên xuống cấp, gạch lát nền bị mất men, tường bong tróc, diện tích không bảo đảm; công trình vệ sinh của trẻ không bảo đảm về diện tích, số lượng bồn cầu, không thuận tiện cho trẻ sử dụng; hiên chưa bảo đảm diện tích, kho thiếu và tạm bợ. Sân chơi trũng nước; vườn trường thấp ngập nước thường xuyên dẫn đến việc bố trí môi trường hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở ngoài trời bị hạn chế; phòng bảo vệ xuống cấp; Nhà bếp diện tích chật hẹp xuống cấp.

- Địa phương mới thành lập sau sáp nhập, nhiều hạng mục trên địa bàn xã đang cần đầu tư, xây dựng cấp bách nên nguồn lực đầu tư cho giáo dục nói chung, cho trường mầm non Diễn Hùng nói riêng đang gặp khó khăn;

- Hầu hết phụ huynh làm nông nghiệp và công nhân, đời sống kinh tế còn khó khăn, nhiều phụ huynh đi làm ăn xa nên việc phối hợp với nhà trường trong công tác CSGD trẻ còn hạn chế. Nhiều trẻ chuyển đi, chuyển đến thất thường để theo bố mẹ nên khó khăn cho công tác điều tra, phổ cập và xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.

- Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi cuối năm học còn cao so với mặt bằng chung của các trường vùng đồng bằng trong tỉnh và tăng cao hơn khi vào đầu năm học, đặc biệt là đối tượng trẻ mới.

5. Kiến nghị, đề xuất:

- Đề nghị UBND xã Hải Châu: Sớm quy hoạch diện tích đất xây dựng mới đưa học sinh về 1 điểm trường thuận tiện cho phụ huynh và công tác quản lý chỉ đạo.

- Đề nghị Sở GD&ĐT phê duyệt đủ định biên giáo viên cho trường theo quy định, tối thiểu 2 cô/lớp để bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ;

- Đề nghị Sở GD&ĐT tập huấn chuyên môn tiến hành sớm hơn để các trường kịp triển khai đầu năm học./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Nghệ An;
- Lưu: HS.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Luyện